

## Biểu mẫu 17

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 - 2021**

#### I. Các chương trình đào tạo Đại học chính quy

**1. Ngành: Khuyến nông** (Song ngành **Khuyến nông và PTNT**)

Khoa đào tạo: **Phát triển nông thôn**

| TT | Nội dung  | Trình độ đào tạo   |   |
|----|---|--|---|
|    |   | Đại học chính quy  |   |
| I  | Điều kiện đăng ký tuyển sinh  | <b>Mã ngành:</b> 7620102   |   |
|    |   | <b>Loại hình đào tạo:</b><br>Chính quy, tập trung  | <b>Thời gian đào tạo:</b> 4 năm   |
|    |   | <b>Tổ hợp môn thi</b><br><b>A00:</b> Toán - Lý – Hóa;<br><b>B00:</b> Toán - Hóa - Sinh<br><b>C00:</b> Văn – Sử – Địa;<br><b>C04:</b> Văn - Toán – Địa  | <b>Phương thức xét tuyển</b><br>- Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 50%<br>- Dựa vào kết quả học bạ 50% |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | Đào tạo Kỹ sư ngành Khuyến nông có năng lực tư vấn tổ chức sản xuất; tiếp cận thị trường nông sản; đào tạo trong công tác khuyến nông, phát triển dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và làm cầu nối hiệu quả giữa nông dân với các bên liên quan trong sản xuất nông nghiệp. Kỹ sư tốt nghiệp ngành Khuyến Nông & PTNT có phẩm chất đạo đức tốt; yêu nghề; có tinh thần trách nhiệm cao; chịu khó học hỏi; năng động và sáng tạo trong công việc. |   |

| TT  | Nội dung  | Trình độ đào tạo  |
|-----|---|---|
|     |   | Đại học chính quy   |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Khoa đã có nơi làm việc khang trang cho các bộ môn và giáo viên. Khoa được trang bị phòng truyền thông phát triển với trang thiết bị, giúp cho sinh viên có thể tổ chức các buổi thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thực hành truyền thông, xây dựng các băng hình phục vụ tuyên truyền, rèn luyện kỹ năng. Ngoài ra, các trại của viện Nghiên cứu phát triển được trường đầu tư cơ sở vật chất tốt là địa bàn tốt cho sinh viên của Khoa thăm quan học tập. Với địa bàn 4 (cơ sở sản xuất) có thể nói đã có sự kết hợp giữa Khoa và Trung tâm phát triển nông thôn miền Trung nơi Trung tâm triển khai các chương trình dự án, là mô hình tốt cho học tập chia sẻ của khoa. Khoa còn kết hợp với các Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, các chi cục phát triển nông thôn, các công ty trong việc thực hiện các bài thực hành, thực tập tốt nghiệp cuối khóa của sinh viên, giúp sinh viên có tay nghề tốt khi ra trường.</p> <p>Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của Khoa đã được chú ý phát triển, trang bị hiện đại và đồng bộ. Ngoài cơ sở phòng ốc nơi làm việc của Khoa và các bộ môn, Khoa có phòng thí nghiệm truyền thông và phát triển, được trang bị các máy móc hiện đại phục vụ cho công tác truyền thông, quảng bá, in sao tài liệu và đầy đủ các phương tiện như máy quay camera, máy in, máy tính, máy chiếu để phục vụ truyền thông giảng dạy và thực hành. Đặc biệt, Khoa có tủ sách chuyên ngành với nhiều sách chuyên khảo được sưu tập từ nước ngoài và đầy đủ các tài liệu bài giảng để phục vụ tốt cho việc tự học và nghiên cứu của sinh viên, học viên cao học trong khoa và những ai quan tâm trong lĩnh vực phát triển nông thôn.</p> <p>Sinh viên nội trú được bố trí ở Ký túc xá Tây Lộc, địa chỉ số 100 đường Trần Văn Ký, phường Tây Lộc, thành phố Huế Ký túc xá Tây Lộc có 5 dãy nhà 2 tầng với 60 phòng, công trình phụ khép kín từng phòng, giải quyết được tối đa 480 chỗ ở cho SV nội trú</p> <p>Tại cơ sở chính của Trường, SV được tạo mọi điều kiện sử dụng miễn phí những trang thiết bị, sân bãi cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và sinh hoạt đội nhóm thông qua sự quản lý của tổ chức Đoàn, Hội. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ được tổ chức tại Nhà Đa</p> |

| TT | Nội dung  | Trình độ đào tạo   |
|----|---|--|
|    |   | Đại học chính quy  |
|    |   | <p>chức năng có 500 chỗ ngồi. Các hoạt động thể dục, thể thao được tổ chức tại Nhà thi đấu thể thao đa môn, sân bóng đá, sân bóng chuyền ngoài trời.</p> <p>Sinh viên được tư vấn, xét giới thiệu các học bổng chính sách, học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ. Thực hiện tốt chế độ miễn giảm học phí, BHYT, BHTT.</p>  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện          | <a href="https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-khuyen-nong/">https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-khuyen-nong/</a>  |
| V  | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức cơ bản về xã hội học, xã hội học nông thôn, tâm lý nông dân</li> <li>- Các phương pháp đào tạo trong công tác khuyến nông, phương pháp khuyến nông, phương pháp truyền thông, phương pháp tổ chức sự kiện</li> <li>- Tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; Lập kế hoạch và đấu thầu dịch vụ khuyến nông</li> <li>- Dịch vụ tư vấn nông nghiệp; Khởi nghiệp nông nghiệp</li> <li>- Quản trị trang trại; cung ứng và tiêu thụ tập trung sản phẩm nông nghiệp.</li> <li>- Có thể tiếp tục học lên Thạc sĩ, Tiến sĩ PTNT được đào tạo ngay tại khoa.</li> </ul>  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến phát triển nông thôn, đặc biệt là cơ quan của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn ở các cấp</li> <li>- Trung tâm khuyến nông Quốc gia, trung tâm khuyến nông các tỉnh, Trạm khuyến nông các huyện</li> <li>- Các tổ chức kinh tế có liên quan đến phát triển nông thôn và khuyến nông (doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại, cơ sở chế biến, marketing nông lâm thủy sản, các hợp tác xã,...)</li> <li>- Các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học và Viện nghiên cứu</li> <li>- Làm việc trong các tổ chức Quốc tế, các công ty tư vấn về kinh tế; các tổ chức xã hội nghề nghiệp và nông thôn; các chương trình về phát triển nông thôn, cộng đồng, các công ty kinh doanh vật tư nông nghiệp,...</li> </ul> |

**2. Ngành: Phát triển nông thôn**Khoa đào tạo: **Phát triển nông thôn**

| TT  | Nội dung  | Trình độ đào tạo  |   |
|-----|---|---|---|
|     |   | Đại học chính quy   |   |
| I   | Điều kiện đăng ký tuyển sinh  | <b>Mã ngành:</b> 7620116  |   |
|     |   | <b>Loại hình đào tạo:</b><br>Chính quy, tập trung   | <b>Thời gian đào tạo:</b> 4 năm   |
|     |   | <b>Tổ hợp môn thi</b><br><b>A00:</b> Toán - Lý – Hóa;<br><b>B00:</b> Toán - Hóa -Sinh<br><b>C00:</b> Văn – Sử – Địa;<br><b>C04:</b> Văn - Toán - Địa  | <b>Phương thức xét tuyển</b><br>- Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 50%<br>- Dựa vào kết quả học bạ 50% |
| II  | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | Đào tạo Kỹ sư ngành Phát triển nông thôn có năng lực quản lý, tổ chức sản xuất và xây dựng năng lực cho cán bộ và người dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn hướng đến hoàn thiện địa phương đảm bảo các tiêu chí nông thôn mới; tiếp cận công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và đảm bảo năng lực cạnh tranh với thị trường nông nghiệp mở cửa. Kỹ sư tốt nghiệp ngành PTNT có phẩm chất chính trị tốt, có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cao.  |   |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học   | Khoa đã có nơi làm việc khang trang cho cán bộ môn và giáo viên. Khoa được trang bị phòng truyền thông phát triển với trang thiết bị, giúp cho sinh viên có thể tổ chức các buổi thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thực hành truyền thông, xây dựng các băng hình phục vụ tuyên truyền, rèn luyện kỹ năng. Ngoài ra, các trại của viện Nghiên cứu phát triển được trường đầu tư cơ sở vật chất tốt là địa bàn tốt cho sinh viên của Khoa thăm quan học tập. Với địa bàn 4 (cơ sở sản xuất) có thể nói đã có sự kết hợp giữa Khoa và Trung tâm phát triển nông thôn miền Trung nơi Trung tâm triển khai các chương trình dự án, là mô hình tốt cho học tập chia sẻ của khoa. Khoa còn kết hợp với các Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, các chi cục phát triển nông thôn, các công ty trong việc thực hiện |   |

| TT | Nội dung  | Trình độ đào tạo   |
|----|---|--|
|    |   | Đại học chính quy  |
|    |   | <p>các bài thực hành, thực tập tốt nghiệp cuối khóa của sinh viên, giúp sinh viên có tay nghề tốt khi ra trường.</p> <p>Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của Khoa đã được chú ý phát triển, trang bị hiện đại và đồng bộ. Ngoài cơ sở phòng ốc nơi làm việc của Khoa và các bộ môn, Khoa có phòng thí nghiệm truyền thông và phát triển, được trang bị các máy móc hiện đại phục vụ cho công tác truyền thông, quảng bá, in sao tài liệu và đầy đủ các phương tiện như máy quay camera, máy in, máy tính, máy chiếu để phục vụ truyền thông giảng dạy và thực hành. Đặc biệt, Khoa có tủ sách chuyên ngành với nhiều sách chuyên khảo được sưu tập từ nước ngoài và đầy đủ các tài liệu bài giảng để phục vụ tốt cho việc tự học và nghiên cứu của sinh viên, học viên cao học trong khoa và những ai quan tâm trong lĩnh vực phát triển nông thôn.</p> <p>Sinh viên nội trú được bố trí ở Ký túc xá Tây Lộc, địa chỉ số 100 đường Trần Văn Kỳ, phường Tây Lộc, thành phố Huế Ký túc xá Tây Lộc có 5 dãy nhà 2 tầng với 60 phòng, công trình phụ khép kín từng phòng, giải quyết được tối đa 480 chỗ ở cho SV nội trú</p> <p>Tại cơ sở chính của Trường, SV được tạo mọi điều kiện sử dụng miễn phí những trang thiết bị, sân bãi cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và sinh hoạt đội nhóm thông qua sự quản lý của tổ chức Đoàn, Hội. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ được tổ chức tại Nhà Đa chức năng có 500 chỗ ngồi. Các hoạt động thể dục, thể thao được tổ chức tại Nhà thi đấu thể thao đa môn, sân bóng đá, sân bóng chuyền ngoài trời.</p> <p>Sinh viên được tư vấn, xét giới thiệu các học bổng chính sách, học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ. Thực hiện tốt chế độ miễn giảm học phí, BHYT, BHTT.</p> |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện          | <a href="https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-phat-trien-nong-thon/">https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-phat-trien-nong-thon/</a>  |
| V  | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | - Có kiến thức cơ bản về xã hội học và phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn, khởi nghiệp nông nghiệp, phát triển cộng đồng, quản lý và phát triển nông thôn.  |

| TT | Nội dung                           | Trình độ đào tạo   |
|----|------------------------------------|--|
|    |                                    | Đại học chính quy  |
|    |                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng lập chiến lược và kế hoạch phát triển, kỹ năng quản lý, tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án phát triển nông thôn, tư vấn các vấn đề phát triển và khởi nghiệp trong nông nghiệp và nông thôn.</li> <li>- Có năng lực nghiên cứu, phát triển nông thôn theo hướng hiện đại và phát triển bền vững.</li> <li>- Có thể tiếp tục học lên Thạc sĩ, tiến sĩ PTNT được đào tạo ngay tại khoa.</li> </ul>   |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp | <p>Cơ hội việc làm sau khi ra trường của sinh viên ngành PTNT khá đa dạng nhờ được đào tạo kiến thức đa ngành bên cạnh các kiến thức chuyên môn sâu trong lĩnh vực phát triển nông thôn. Các cơ quan, đơn vị và vị trí việc làm kỹ sư ngành PTNT có thể làm việc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch đầu tư, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Chi cục Phát triển nông thôn, Trung tâm khuyến nông lâm, Liên minh HTX;</li> <li>- Phòng Kinh tế, Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng tài nguyên và môi trường, Ban điều phối xây dựng nông thôn mới các huyện;</li> <li>- Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, các Viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;</li> <li>- Các doanh nghiệp và các hợp tác xã sản xuất, kinh doanh;</li> <li>- Các tổ chức phi chính phủ, các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn, ... từ Trung ương đến địa phương, các dự án và chương trình khởi nghiệp nông thôn;</li> <li>- Cán bộ công chức cấp xã.</li> </ul> |

### 3. Ngành: Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn

Khoa đào tạo: **Phát triển nông thôn**

| TT  | Nội dung  | Trình độ đào tạo   |   |
|-----|---|--|---|
|     |   | Đại học chính quy  |   |
| I   | Điều kiện đăng ký tuyển sinh  | <b>Mã ngành:</b> 7620119   |   |
|     |   | <b>Loại hình đào tạo:</b><br>Chính quy, tập trung  | <b>Thời gian đào tạo:</b> 3,5-4 năm   |
|     |   | <b>Tổ hợp môn thi</b><br><i>A00:</i> Toán - Lý – Hóa ;<br><i>C00:</i> Văn – Sử – Địa;<br><i>C04:</i> Văn - Toán - Địa<br><i>D01:</i> Văn - Toán - Anh  | <b>Phương thức xét tuyển</b><br>- Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 50%<br>- Dựa vào kết quả học bạ 50% |
| II  | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | Đào tạo cử nhân kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân tốt. Có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp tốt trong lĩnh vực kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn. Có ý chí sáng tạo khởi nghiệp và thái độ nghề nghiệp phù hợp. Có khả năng làm việc tốt tại các công ty, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các cơ quan quản lý và các đơn vị sự nghiệp có liên quan hoạt động kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn trong và ngoài nước. Có sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc   |   |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học   | Khoa Phát triển nông thôn (PTNT) đã có nơi làm việc tốt cho các bộ môn và giáo viên. Khoa PTNT được trang bị phòng truyền thông phát triển với trang thiết bị, giúp cho sinh viên có thể tổ chức các buổi thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, rèn luyện kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo và khởi sự kinh doanh. Khoa PTNT còn liên kết với các công ty, doanh nghiệp và các chương trình dự án trong và ngoài nước. Đây là địa điểm tốt cho học tập và thực hành cho sinh viên ngành Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn. Ngoài ra, Khoa PTNT còn kết hợp với Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của Đại học Huế trong việc thực hiện các hoạt động liên quan đến thực tập và thực hành khởi sự kinh doanh cho sinh viên. |   |

| TT | Nội dung  | Trình độ đào tạo   |
|----|---|--|
|    |   | Đại học chính quy  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện          | Chương trình đào tạo “Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn” <a href="https://ptnt.huaf.edu.vn/">https://ptnt.huaf.edu.vn/</a> .   |
| V  | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Cử nhân chuyên ngành Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn có các kiến thức chuyên sâu của ngành gồm: kế hoạch kinh doanh nông nghiệp, thiết lập chuỗi cung ứng hàng hóa, phát triển thương hiệu, số hóa quản trị kinh doanh; tổ chức sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm, kinh doanh vật tư hàng hóa sản xuất, tiêu dùng, và dịch vụ du lịch nông thôn để thiết lập và vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn có thể tiếp tục học lên Thạc sĩ, tiến sĩ về PTNT được đào tạo ngay tại Khoa.   |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp                    | <p>Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn có thể đảm nhận các vị trí việc làm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên kế hoạch phát triển kinh doanh tại các tập đoàn, doanh nghiệp, chuyên viên quản trị, vận hành kinh doanh tại các doanh nghiệp, Chuyên viên marketing, phát triển thị trường nông sản tại các doanh nghiệp, chuyên viên sự nghiệp cung ứng vật tư hàng hóa tại các doanh nghiệp, chuyên viên đại diện hoặc phụ trách vùng của doanh nghiệp, chuyên viên bán lẻ nông sản on-line và off-line.</li> <li>- Giáo viên và nghiên cứu viên tại cơ sở giáo dục đào tạo.</li> <li>- Các vị trí quản lý, điều hành: trong quá trình tích lũy kinh nghiệm có thể cử nhân Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn có thể đảm nhận vai trò chuyên viên phụ trách chuỗi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, quản đốc, giám đốc điều hành các tập đoàn, các chi nhánh doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Ngoài ra, cử nhân ngành Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn có thể phát triển làm chủ các cơ sở kinh doanh, chủ các dự án khởi nghiệp, chủ doanh nghiệp khởi nghiệp.</p> |



ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 - 2021**

**Các chương trình đào tạo thạc sỹ**

**1. Ngành: Phát triển nông thôn**

**Mã ngành: 8620116**

**Khoa đào tạo: Phát triển nông thôn**

| TT | Nội dung                     | Trình độ đào tạo   |
|----|------------------------------|--|
|    |                              | Thạc sỹ  |
| I  | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <p>Cao học PTNT có đối tượng tuyển sinh rộng rãi. Cán bộ có bằng Đại học loại khá trở lên trong các ngành đúng và ngành gần đều có thể dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Các thí sinh ngành gần cần học chuyển đổi trước khi dự thi.</p> <p><b>- Ngành đúng bao gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phát triển nông thôn</li> <li>2. Khuyến nông</li> <li>3. Hệ thống nông nghiệp</li> <li>4. Quản lý đất đai</li> <li>5. Nông học</li> <li>6. Kinh tế nông lâm nghiệp</li> </ol> <p><b>- Ngành gần gồm :</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xã hội học</li> <li>2. Công tác xã hội</li> <li>3. Kinh doanh nông nghiệp</li> <li>4. Kinh tế kế hoạch và đầu tư</li> </ol> |

| TT  | Nội dung  | Trình độ đào tạo  |
|-----|---|---|
|     |   | Thạc sỹ   |
|     |   | <p>5. Khoa học đất</p> <p>6. Tài chính - Ngân hàng</p> <p>7. Kinh tế chính trị</p> <p>8. Các ngành thuộc khối kinh tế học, kinh tế tài nguyên và môi trường</p> <p>9. Các ngành thuộc khối kỹ thuật nông, lâm, thủy sản, tài nguyên môi trường</p> <p>10. Các ngành thuộc khối công nghệ bảo quản chế biến, sau thu hoạch, thủy lợi, công thôn, và xây dựng.</p> <p>11. Quản trị kinh doanh</p> <p>12. Công nghệ sinh học</p> <p>13. Luật học</p> <p>14. Sư phạm kỹ thuật nông lâm</p> <p>15. Sinh học</p> <p>16. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử</p> <p>17. Quản lý xã hội</p> <p><b>Thi tuyển 3 môn:</b> Toán thống kê sinh học, Phương pháp nghiên cứu nông thôn, Ngoại ngữ.</p> <p><b>Các môn bổ túc đối với ngành gần:</b> Phát triển cộng đồng (2tc), hệ thống nông nghiệp (2tc), phương pháp khuyến nông (2tc)</p> |
| II  | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | Cao học Phát triển Nông thôn (PTNT) trang bị kiến thức liên ngành về Phát triển Kinh tế - Xã hội cho học viên, giúp học viên phát triển nghề nghiệp để trở thành nhà lãnh đạo, nhà quản lý phát triển, doanh nhân, chuyên gia tư vấn Phát triển, hoặc Thạc sỹ và Tiến sỹ nghiên cứu kinh tế xã hội trong tương lai.   |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học   | Khoa đã có nơi làm việc khang trang cho cán bộ môn và giáo viên. Khoa được trang bị Phòng truyền thông phát triển với trang thiết bị, giúp người học có thể tổ chức các buổi thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thực hành truyền thông, xây dựng các băng hình phục vụ tuyên truyền, rèn luyện kỹ năng. Ngoài ra, các trại của viện Nghiên cứu phát triển được   |

| TT | Nội dung  | Trình độ đào tạo   |
|----|---|--|
|    |   | Thạc sỹ  |
|    |   | <p>trường đầu tư cơ sở vật chất tốt là địa bàn tốt cho sinh viên của Khoa thăm quan học tập. Với địa bàn 4 ( cơ sở sản xuất) có thể nói đã có sự kết hợp giữa Khoa và Trung tâm phát triển nông thôn miền Trung nơi Trung tâm triển khai các chương trình dự án, là mô hình tốt cho học tập chia sẻ của khoa.</p> <p>Khoa còn kết hợp với các Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, các chi cục phát triển nông thôn, các công ty trong việc thực hiện các bài thực hành, thực tập tốt nghiệp cuối khóa của học viên.</p> <p>Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của Khoa đã được chú ý phát triển, trang bị hiện đại và đồng bộ. Ngoài cơ sở phòng ốc nơi làm việc của Khoa và các bộ môn, Khoa có phòng thí nghiệm truyền thông và phát triển, được trang bị các máy móc hiện đại phục vụ cho công tác truyền thông, quảng bá, in sao tài liệu và đầy đủ các phương tiện như máy quay camera, máy in, máy tính, máy chiếu để phục vụ truyền thông giảng dạy và thực hành.</p> <p>Đặc biệt, Khoa có tủ sách chuyên ngành với nhiều sách chuyên khảo được sưu tập từ nước ngoài và đầy đủ các tài liệu bài giảng để phục vụ tốt cho việc tự học và nghiên cứu của học viên.</p> |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện          | <p>- Các môn chung bắt buộc gồm Triết học và Tiếng Anh chuyên ngành.</p> <p>- Các môn cơ sở và chuyên ngành:</p> <p>+ Hợp phần lý luận và phương pháp tiếp cận PTNT</p> <p>+ Hợp phần kinh tế nông thôn và kinh doanh nông nghiệp</p> <p>+ Hợp phần kế hoạch và dự án PTNT</p> <p>+ Hợp phần các môn học bổ trợ</p> <p>- Luận văn tốt nghiệp</p> <p>Hiện tại Khoa đào tạo Cao học PTNT theo 2 hướng: Nghiên cứu và Ứng dụng.</p>   |
| V  | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | - Có kiến thức chuyên sâu về xã hội học và phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn, khởi nghiệp nông nghiệp, phát triển cộng đồng, quản lý và phát triển nông thôn.  |

| TT | Nội dung                           | Trình độ đào tạo  |
|----|------------------------------------|---|
|    |                                    | Thạc sỹ   |
|    |                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng lập chiến lược và kế hoạch phát triển, kỹ năng quản lý, tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án phát triển nông thôn, tư vấn các vấn đề phát triển và khởi nghiệp trong nông nghiệp và nông thôn.</li> <li>- Có năng lực nghiên cứu, phát triển nông thôn theo hướng hiện đại và phát triển bền vững.</li> <li>- Có thể tiếp tục học lên tiến sĩ PTNT được đào tạo ngay tại khoa.</li> </ul> |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp | Học viên tốt nghiệp Cao học PTNT có khả năng đảm nhận các vị trí công việc tổng hợp, có kiến thức liên ngành và khả năng làm việc theo nhóm với các đối tác khác nhau. Chương trình PTNT có nội dung trọng tâm về Xã hội học phát triển, Kinh tế học phát triển, Kinh doanh nông nghiệp, Nghiên cứu nông thôn, cũng như các kỹ năng hoạt động độc lập và làm việc theo nhóm với các đối tác khác nhau.  |

### III. Chương trình đào tạo Tiến sỹ

1. Ngành: Phát triển nông thôn

Mã ngành: 9620116

Khoa đào tạo: Phát triển nông thôn

| TT | Nội dung                     | Trình độ đào tạo   |
|----|------------------------------|--|
|    |                              | Tiến sỹ  |
| I  | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <p><b>Đối tượng dự tuyển:</b> Tất cả công dân Việt nam có đủ điều kiện theo quy chế của Bộ Giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo ban hành.</li> </ul> <p><b>Qui mô tuyển sinh:</b> 2 - 4 nghiên cứu sinh/năm</p> <p><b>Điều kiện văn bằng</b></p> <p>Người dự tuyển cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:</p> <p>a) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành PTNT, KN loại khá giỏi trở lên và có ít nhất 01 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế-xã hội, nông nghiệp và phát triển nông thôn (kể từ khi tốt nghiệp đại học, tính từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày dự thi).</p> <p>b) Có bằng tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành PTNT đúng với ngành dự tuyển.</p> |

| TT     | Nội dung | Trình độ đào tạo   |                  |                     |                    |                         |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
|--------|----------|--|------------------|---------------------|--------------------|-------------------------|--------|------|--------------|------------------|---------------------|--------------------|-------------------------|---|----------|-------------------------------|---|---|---|---|---|----------|----------------------|---|---|---|---|---|----------|----------------------|---|------|------|------|---|----------|--------------------|---|------|------|------|---|----------|--------------------------------|---|------|------|------|---|----------|-------------------------------|---|------|------|------|---|----------|-----------------------------|---|---|------|------|
|        |          | Tiến sỹ  |                  |                     |                    |                         |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
|        |          | <p>c) Có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành Phát triển Nông thôn và chứng nhận hoàn thành chương trình bổ túc kiến thức đầu vào cao học chuyên ngành PTNT (các học phần bổ sung).</p> <p>1) Ngành đúng: Phát triển nông thôn, Kinh tế nông nghiệp, Quản lý đất đai,</p> <p>2) Ngành gần (có chuyển đổi): là các ngành khác trong khối nông – lâm - ngư, sinh học, cơ khí công nghệ, bảo quản chế biến, Xã hội học, Quản trị kinh doanh, Luật.</p> <p>- Nếu nghiên cứu sinh đã có bằng Thạc sĩ ngành, chuyên ngành đúng không phải học bổ sung kiến thức.</p> <p>- Nếu NCS chưa có bằng Thạc sĩ thì phải học bổ sung 35 tín chỉ thuộc Chương trình đào Thạc sĩ chuyên ngành phát triển nông thôn của trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế (<i>đã ban hành khung đào tạo cao học Phát triển nông thôn theo tín chỉ tháng 10 năm 2011 của Giám đốc Đại học Huế</i>)</p> <p>- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp, thì tùy từng trường hợp cụ thể NCS phải học bổ sung một số học phần cần thiết ở trình độ đại học và cao học theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.</p> <p><b>Các học phần bổ sung bắt buộc đối với học viên ngành gần có bằng thạc sỹ</b></p> <table> <tr> <th>T<br/>T</th><th>MSHP</th><th>Tên học phần</th><th>Số<br/>tín<br/>chỉ</th><th>Nhóm<br/>Kỹ<br/>thuật</th><th>Nhóm<br/>Kinh<br/>Tế</th><th>Nhóm<br/>Xã<br/>hội /luật</th></tr> <tr> <td>1</td><td>NTTC.503</td><td>Tiếp cận phát triển nông thôn</td><td>3</td><td>x</td><td>x</td><td>x</td></tr> <tr> <td>2</td><td>NTHT.504</td><td>Hệ thống nông nghiệp</td><td>3</td><td>x</td><td>x</td><td>x</td></tr> <tr> <td>3</td><td>NLXH.506</td><td>Xã hội học nông thôn</td><td>2</td><td>(**)</td><td>(**)</td><td>(**)</td></tr> <tr> <td>4</td><td>NTNT.508</td><td>Quản lý trang trại</td><td>2</td><td>(**)</td><td>(**)</td><td>(**)</td></tr> <tr> <td>5</td><td>NTCD.509</td><td>Chuyên đề phát triển nông thôn</td><td>2</td><td>(**)</td><td>(**)</td><td>(**)</td></tr> <tr> <td>6</td><td>NTDA.512</td><td>Quản lý dự án phát triển PTNT</td><td>2</td><td>(**)</td><td>(**)</td><td>(**)</td></tr> <tr> <td>7</td><td>NTKH 515</td><td>Kế hoạch và chiến lược PTNT</td><td>2</td><td>x</td><td>(**)</td><td>(**)</td></tr> </table> |                  |                     |                    |                         | T<br>T | MSHP | Tên học phần | Số<br>tín<br>chỉ | Nhóm<br>Kỹ<br>thuật | Nhóm<br>Kinh<br>Tế | Nhóm<br>Xã<br>hội /luật | 1 | NTTC.503 | Tiếp cận phát triển nông thôn | 3 | x | x | x | 2 | NTHT.504 | Hệ thống nông nghiệp | 3 | x | x | x | 3 | NLXH.506 | Xã hội học nông thôn | 2 | (**) | (**) | (**) | 4 | NTNT.508 | Quản lý trang trại | 2 | (**) | (**) | (**) | 5 | NTCD.509 | Chuyên đề phát triển nông thôn | 2 | (**) | (**) | (**) | 6 | NTDA.512 | Quản lý dự án phát triển PTNT | 2 | (**) | (**) | (**) | 7 | NTKH 515 | Kế hoạch và chiến lược PTNT | 2 | x | (**) | (**) |
| T<br>T | MSHP     | Tên học phần   | Số<br>tín<br>chỉ | Nhóm<br>Kỹ<br>thuật | Nhóm<br>Kinh<br>Tế | Nhóm<br>Xã<br>hội /luật |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
| 1      | NTTC.503 | Tiếp cận phát triển nông thôn  | 3                | x                   | x                  | x                       |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
| 2      | NTHT.504 | Hệ thống nông nghiệp   | 3                | x                   | x                  | x                       |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
| 3      | NLXH.506 | Xã hội học nông thôn   | 2                | (**)                | (**)               | (**)                    |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
| 4      | NTNT.508 | Quản lý trang trại   | 2                | (**)                | (**)               | (**)                    |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
| 5      | NTCD.509 | Chuyên đề phát triển nông thôn   | 2                | (**)                | (**)               | (**)                    |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
| 6      | NTDA.512 | Quản lý dự án phát triển PTNT  | 2                | (**)                | (**)               | (**)                    |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |
| 7      | NTKH 515 | Kế hoạch và chiến lược PTNT  | 2                | x                   | (**)               | (**)                    |        |      |              |                  |                     |                    |                         |   |          |                               |   |   |   |   |   |          |                      |   |   |   |   |   |          |                      |   |      |      |      |   |          |                    |   |      |      |      |   |          |                                |   |      |      |      |   |          |                               |   |      |      |      |   |          |                             |   |   |      |      |

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo   |          |                                |    |      |      |      |
|----|----------|--|----------|--------------------------------|----|------|------|------|
|    |          | Tiến sỹ  |          |                                |    |      |      |      |
|    |          | 8  | NTĐT.513 | Đào tạo và tổ chức nông dân    | 2  | (**) | x    | x    |
|    |          | 8  | NTDA.512 | Quản lý dự án phát triển PTNT. | 2  | (**) | (**) | (**) |
|    |          | Tổng cộng  |          |                                | 18 | 8+2  | 8+2  | 8+2  |
|    |          | Ghi chú: x: học phần bắt buộc; (**) học phần tự chọn   |          |                                |    |      |      |      |
|    |          | <b>Bài luận về dự định nghiên cứu</b><br>Bài luận cần trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo, kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo, những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của ứng viên trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu, dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp và đề xuất người hướng dẫn.   |          |                                |    |      |      |      |
|    |          | <b>Thư giới thiệu</b><br>Người dự tuyển cần có 2 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sỹ cùng chuyên ngành; hoặc 1 thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị Tiến sỹ cùng chuyên ngành và 1 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:<br>a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;<br>b) Năng lực hoạt động chuyên môn;<br>c) Phương pháp làm việc;<br>d) Khả năng nghiên cứu;<br>e) Khả năng làm việc theo nhóm;<br>f) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;<br>g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;<br>h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu ứng viên làm nghiên cứu sinh. |          |                                |    |      |      |      |
|    |          | <b>Yêu cầu ngoại ngữ của người dự tuyển</b>  |          |                                |    |      |      |      |

| TT | Nội dung  | Trình độ đào tạo  |
|----|---|---|
|    |   | Tiến sĩ   |
|    |   | <p>Người dự tuyển đào tạo tiến sĩ chuyên ngành PTNT phải thỏa một trong các điều kiện về tiếng Anh như sau:</p> <p>a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong và ngoài nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch;</p> <p>b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;</p> <p>c) Hoàn thành học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo thạc sĩ đối với người có bằng thạc sĩ;</p> <p>d) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc chứng chỉ IELTS từ 5.0 trở lên hoặc chứng chỉ TOEIC từ 500 điểm trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp (trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển) hoặc đạt chứng chỉ tiếng nước ngoài khác ở trình độ tương đương.. Trình độ ngoại ngữ tương đương được xác định theo chuẩn B2 của khung Châu Âu.</p> <p><b>Lý lịch cá nhân</b><br/> Người dự tuyển được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi học viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện tại không vi phạm pháp luật.</p> <p><b>Giấy cam kết</b><br/> Người dự tuyển cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).</p> |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>Đào tạo Tiến sĩ Phát triển nông thôn là đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa và tham gia quá trình đào tạo trong lĩnh vực phát triển nông thôn.</p> <p>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Phát triển nông thôn học viên sẽ đạt được những mục tiêu:</p>  |

| TT  | Nội dung  | Trình độ đào tạo   |
|-----|---|--|
|     |   | Tiến sỹ  |
|     |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>•Được trang bị cơ sở lý thuyết và kiến thức thực tế trong lãnh vực phát triển nông thôn nhằm tư vấn và hoạch định các chủ trương, chính sách nhà nước cũng như quản lý về phát triển nông thôn.</li> <li>•Có kỹ năng thực hiện, tham gia và quản lý các chương trình, dự án của địa phương nói riêng và của cả nước nói chung liên quan đến lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn;</li> <li>•Có khả năng nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực bậc Đại học và Cao học chuyên ngành Phát triển nông thôn, Phát triển cộng đồng, Quản lý Dự án phát triển, Kinh tế nguồn lực ở các trường Đại học địa phương và quốc gia .</li> </ul>  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Khoa đã có nơi làm việc khang trang cho cán bộ môn và giáo viên. Khoa được trang bị Phòng truyền thông phát triển với trang thiết bị, giúp người học có thể tổ chức các buổi thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thực hành truyền thông, xây dựng các băng hình phục vụ tuyên truyền, rèn luyện kỹ năng. Ngoài ra, các trại của viện Nghiên cứu phát triển được trường đầu tư cơ sở vật chất tốt là địa bàn tốt cho sinh viên của Khoa thăm quan học tập. Với địa bàn 4 ( cơ sở sản xuất) có thể nói đã có sự kết hợp giữa Khoa và Trung tâm phát triển nông thôn miền Trung nơi Trung tâm triển khai các chương trình dự án, là mô hình tốt cho học tập chia sẻ của khoa.</p> <p>Khoa còn kết hợp với các Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, các chi cục phát triển nông thôn, các công ty trong việc thực hiện các bài thực hành, thực tập tốt nghiệp cuối khóa của học viên.</p> <p>Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của Khoa đã được chú ý phát triển, trang bị hiện đại và đồng bộ. Ngoài cơ sở phòng ốc nơi làm việc của Khoa và các bộ môn, Khoa có phòng thí nghiệm truyền thông và phát triển, được trang bị các máy móc hiện đại phục vụ cho công tác truyền thông, quảng bá, in sao tài liệu và đầy đủ các phương tiện như máy quay camera, máy in, máy tính, máy chiếu để phục vụ truyền thông giảng dạy và thực hành.</p> <p>Đặc biệt, Khoa có tủ sách chuyên ngành với nhiều sách chuyên khảo được sưu tập từ nước ngoài và đầy đủ các tài liệu bài giảng để phục vụ tốt cho việc tự học và nghiên cứu của học viên.</p> |



| TT | Nội dung  | Trình độ đào tạo  |                 |
|----|---|---|-----------------|
|    |   | Tiến sĩ   |                 |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện          | <b>Cấu trúc kiến thức của khung chương trình đào tạo</b>  |                 |
|    |   | Khối kiến thức  | Tổng số tín chỉ |
|    |   | Kiến thức chung bắt buộc  | 4               |
|    |   | Kiến thức tự chọn   | 4               |
|    |   | Tiểu luận tổng quan   | 6               |
|    |   | Chuyên đề   | 6               |
|    |   | Luận án   | 70              |
|    |   | Tổng  | 90              |
| V  | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Học viên sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ có thể tiếp tục theo học các khóa đào tạo, chuyên đề chuyên sâu nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.  |                 |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp                    | - Người nhận học vị <i>Tiến sĩ chuyên ngành Phát triển nông thôn</i> , có thể làm việc trong đa lĩnh vực: quản lý các chương trình dự án, các cơ quan qui hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, các Viện nghiên cứu, trường Đại học chuyên sâu theo định hướng của sự lựa chọn cá nhân trong nghiên cứu và giảng dạy.   |                 |
|    |   | - Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Phát triển nông thôn có thể thực hiện lập kế hoạch, hoạch định các chương trình, qui hoạch nông thôn, xây dựng chính sách về phát triển, xây dựng chiến lược cho nông thôn mới. Ở các Viện nghiên cứu về phát triển, Nông lâm nghiệp, giảng dạy ở các trường Trung học, Cao đẳng và Đại học, các Chi cục Phát triển nông thôn, sở NN&PTNT, các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế có liên quan đến hoạt động Phát triển nông thôn ở Việt Nam và trên thế giới. |                 |